

Mã đề thi: 2

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

I/ Trắc nghiệm (5 điểm) Chọn đáp án chính xác nhất!

Câu 1: Đảo ngằm san hô thường gây tổn hại gì cho con người?

- A. Tiết chất độc làm hại cá và hải sản nuôi.
- B. Tranh thức ăn với các loại hải sản con người nuôi.
- C. Gây ngứa và độc cho người.
- D. Cản trở giao thông đường biển.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây về động vật nguyên sinh là đúng?

- A. Hình dạng luôn biến đổi.
- B. Cơ thể có cấu tạo đơn bào.
- C. Chỉ sống kí sinh trong cơ thể người.
- D. Không có khả năng sinh sản.

Câu 3: Môi trường sống của thủy tức là

- A. Trên cạn
- B. Nước ngọt
- C. Nước mặn
- D. Nước lợ

Câu 4: Người nhiễm giun có thể bị:

- A. Bệnh viêm họng
- B. Bệnh đau mắt
- C. Bệnh đau mắt và rối loạn thần kinh
- D. Rối loạn thần kinh

Câu 5: Sự khác nhau về nhân của trùng giày và trùng biến hình là

- A. trùng biến hình có 1 nhân, trùng giày có 3 nhân.
- B. trùng biến hình có 1 nhân, trùng giày có 2 nhân.
- C. trùng biến hình có 2 nhân, trùng giày có 1 nhân.
- D. trùng biến hình có 2 nhân, trùng giày có 3 nhân.

Câu 6: Trùng roi xanh dinh dưỡng bằng hình thức

- A. dị dưỡng
- B. kí sinh
- C. tự dưỡng và dị dưỡng
- D. tự dưỡng

Câu 7: Trùng biến hình có tên gọi như vậy là do

- A. Di chuyển bằng chân giả làm cơ thể thay đổi hình dạng
- B. Cơ thể trong suốt
- C. Cơ thể cấu tạo đơn giản nhất
- D. Không nhìn thấy chúng bằng mắt thường

Câu 8: Trùng sốt rét lây nhiễm sang cơ thể người qua vật chủ trung gian là:

- A. Muỗi Anôphen (Anopheles).
- B. Muỗi Mansonia.
- C. Muỗi Aedes.
- D. Muỗi Culex.

Câu 9: Ngành ruột khoang có khoảng

- A. 20.000 loài
- B. 10.000 loài
- C. 15.000 loài
- D. 5.000 loài

Câu 10: Trùng kiết lị kí sinh ở

- A. dạ dày.
- B. gan.
- C. thận.
- D. thành ruột.

Câu 11: Loài nào sống cộng sinh với tôm ở nhờ giúp di chuyển?

- A. San hô
- B. Sứa
- C. Thủy tức
- D. Hải quỳ

Câu 12: Số lượng động vật nguyên sinh khoảng

- A. 40.000 loài
- B. 400.000 loài
- C. 4.000 loài
- D. 400 loài

Câu 13: Trong những đặc điểm sau, những đặc điểm nào có ở trùng kiết lị?

1. Đơn bào, dị dưỡng.
2. Di chuyển bằng lông hoặc roi.
3. Có hình dạng cố định.
4. Di chuyển bằng chân giả.
5. Có đời sống kí sinh.
6. Di chuyển tích cực.

Số phương án đúng là

- A.** 3. **B.** 6 **C.** 5. **D.** 4.

Câu 14: Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau:

“*Khi sinh sản, hai con giun đất chập ... (1) ... vào nhau và trao đổi ... (2) ...*”

- A.** (1): phân đôi; (2): trứng **B.** (1): phân đôi; (2): tinh dịch
C. (1): phân đầu; (2): tinh dịch **D.** (1): đại sinh dục; (2): trứng

Câu 15: Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau

“*Sán lá gan đẻ nhiều trứng, trứng gặp nước nở thành ấu trùng ... (1) ... và sau đó ấu trùng kí sinh trong ... (2) ..., sinh sản cho ra nhiều ấu trùng ... (3) ..., loại ấu trùng này rời khỏi ốc bám vào cây cỏ, bèo, cây thủy sinh và biến đổi trở thành ... (4) Nếu trâu bò ăn phải cây cỏ có kén sán sẽ bị nhiễm bệnh sán lá gan.*”

- A.** (1) : có lông bơi ; (2) : cá ; (3) : có đuôi ; (4) : trứng sán
B. (1) : có đuôi ; (2) : ốc ; (3) : có lông bơi ; (4) : kén sán
C. (1) : có lông bơi ; (2) : ốc ; (3) : có đuôi ; (4) : kén sán
D. (1) : có đuôi ; (2) : cá ; (3) : có lông bơi ; (4) : trứng sán

Câu 16: Số lớp tế bào của thành cơ thể ruột khoang là

- A.** 5 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 2

Câu 17: Loại ruột khoang nào làm chỉ thị cho tầng địa chất:

- A.** Hải quỳ **B.** Sứa **C.** San hô **D.** Thủy tức

Câu 18: Sau những cơn mưa to, ta thường thấy giun đất ngoi lên mặt đất vì:

- A.** Giun đất hô hấp qua da, sau khi mưa, trong đất ít oxi nên giun chui lên mặt đất để hô hấp.
B. Hang của giun bị ngập không có nơi ở.
C. Hang của giun bị sập, giun đi tìm nơi ở mới.
D. Giun đi kiếm thức ăn.

Câu 19: Sứa di chuyển bằng cách

- A.** Di chuyển sâu đo **B.** Co bóp dù
C. Di chuyển lộn đầu **D.** Không di chuyển

Câu 20: Thủy tức là đại diện thuộc

- A.** ngành động vật nguyên sinh **B.** ngành thân mềm
C. ngành chân khớp **D.** ngành ruột khoang

II. Tự luận (5 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

- a, Động vật có vai trò như thế nào đối với đời sống của con người?
- b, Lấy 2 ví dụ minh họa cho mỗi vai trò.

Câu 2: (1 điểm) Nếu so sánh về kích thước trùng kiết lị và trùng sốt rét thì loài nào lớn hơn? Dinh dưỡng ở trùng kiết lị và trùng sốt rét giống nhau và khác nhau như thế nào?

Câu 3: (2 điểm)

- a. Trình bày vòng đời giun đũa dưới dạng sơ đồ.
- b. Đề xuất 4 biện pháp bảo vệ các loài Giun đất có lợi.

----- HẾT -----